

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương

Ngày 30/09/2025	2,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.1%	-7.1%	-

DT thuần Q3/25
7.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.7 -65.5%
YoY: ▼28.8 -78.8%

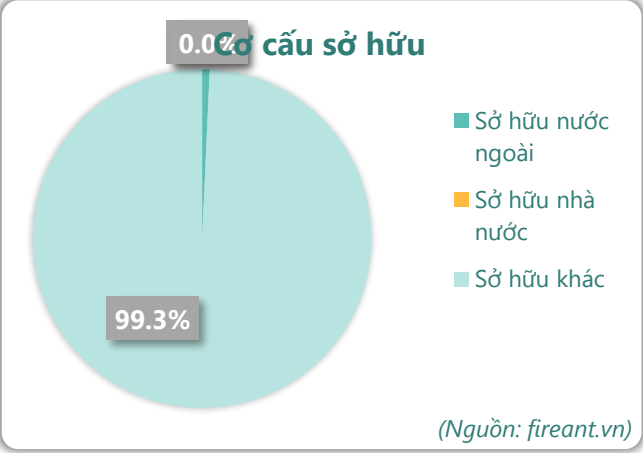
LN thuần Q3/25
-41.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 70.5 63.0%
YoY: ▼47.0 -861%

LN sau thuế Q3/25
-51.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 60.6 54.1%
YoY: ▼57.5 -947%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-389%
YoY: +/-▲ 11.6%

ROE (TTM) Q3/25
-25.1%
YoY: +/-▼ 8.3%

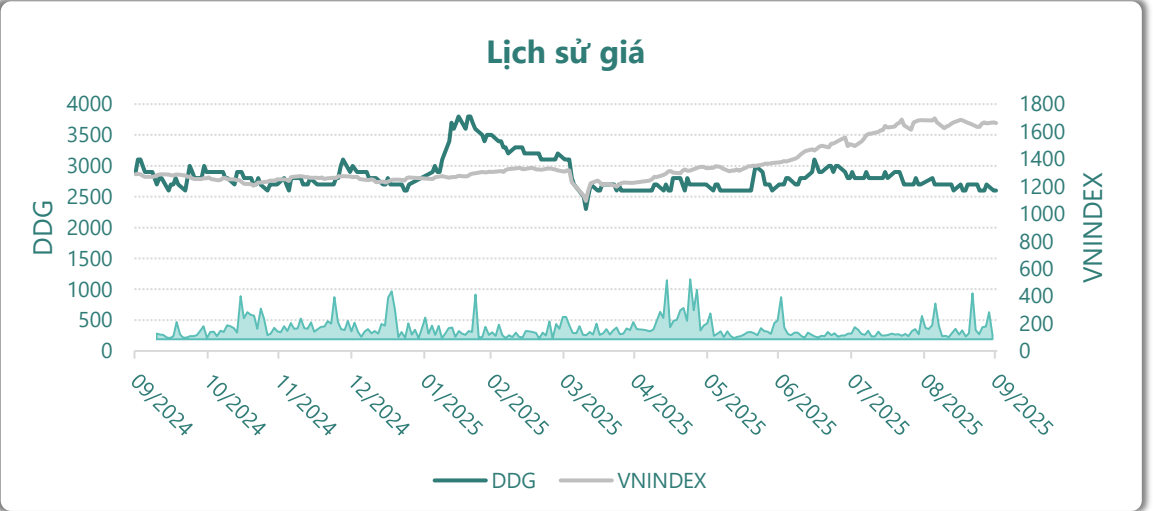
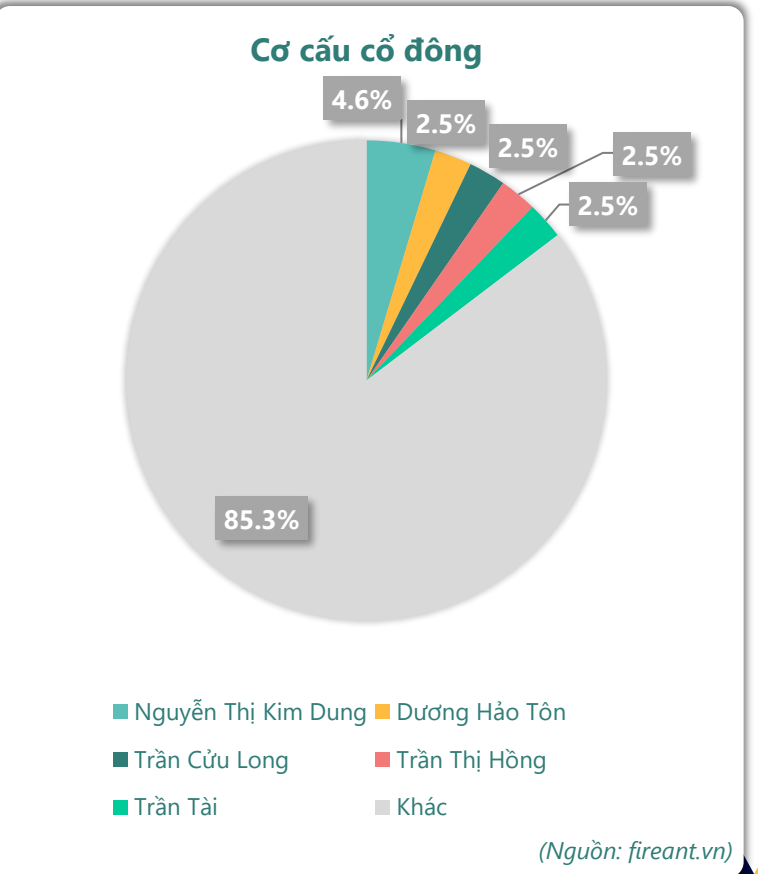
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 3,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	208
Số lượng CPLH (CP)	79,839,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	222,475
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.82
EPS	-2,150
P/E	-1.2



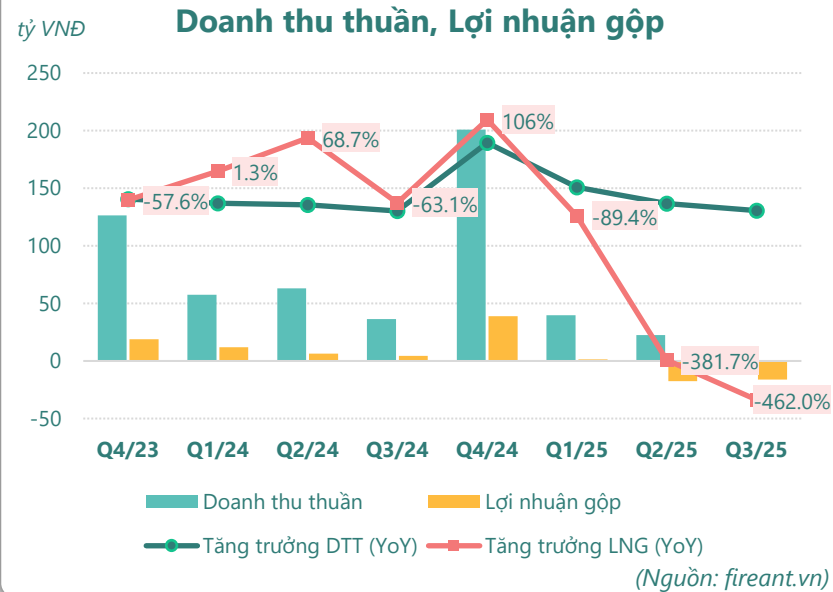
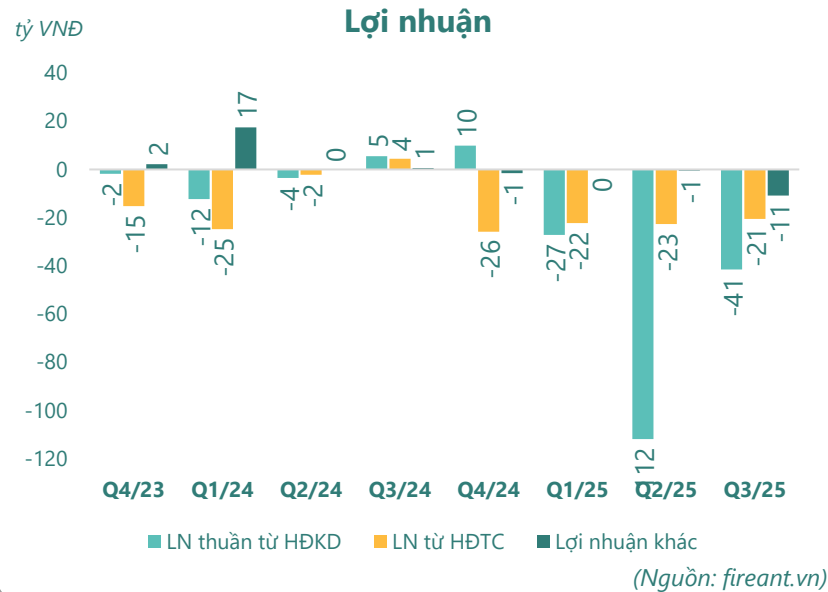
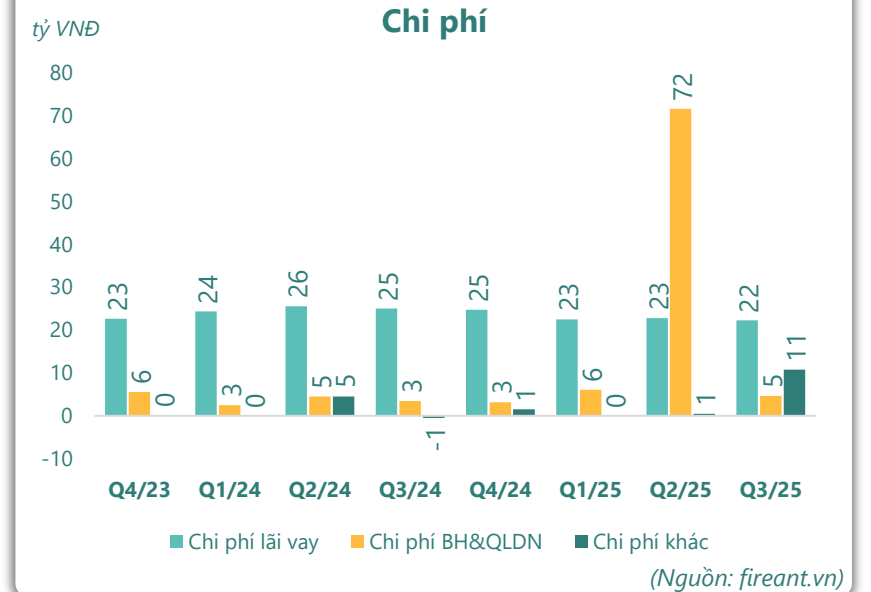
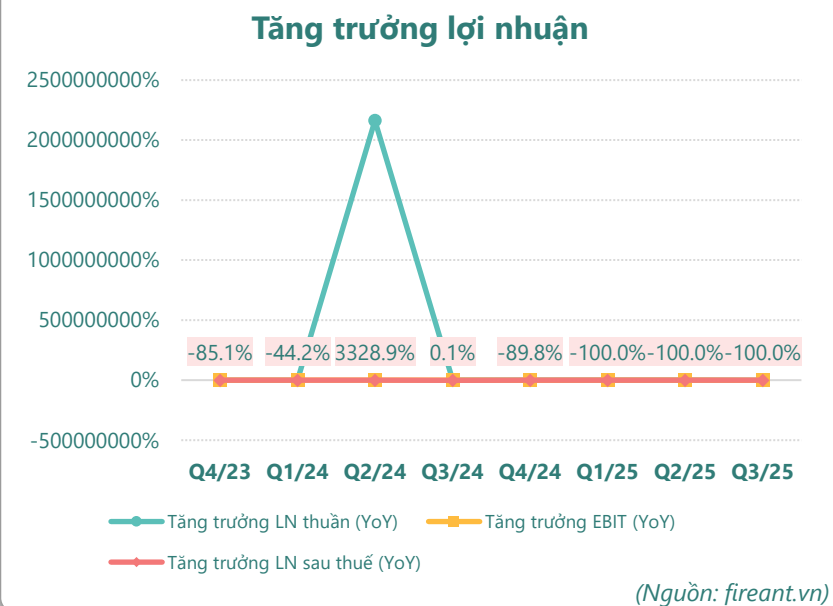
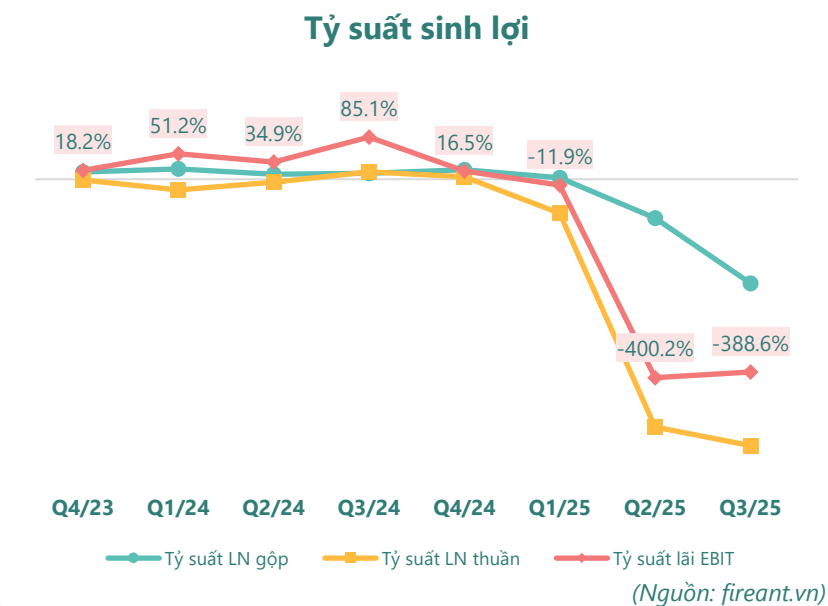
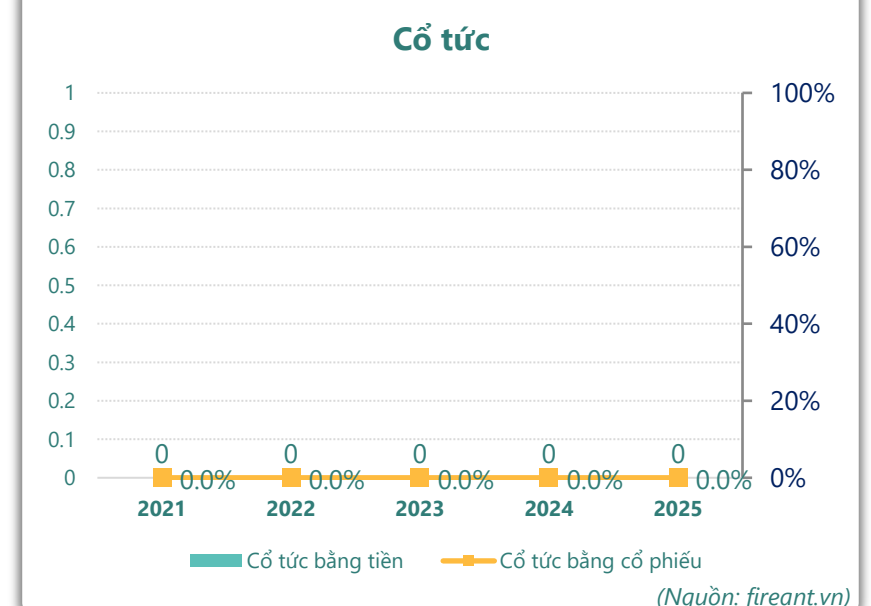
DT thuần 9T 2025
69.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼87.3 -55.6%

LN thuần 9T 2025
-180
tỷ VNĐ
YoY: ▼170 -1620%

LN sau thuế 9T 2025
-190
tỷ VNĐ
YoY: ▼197 -2853%



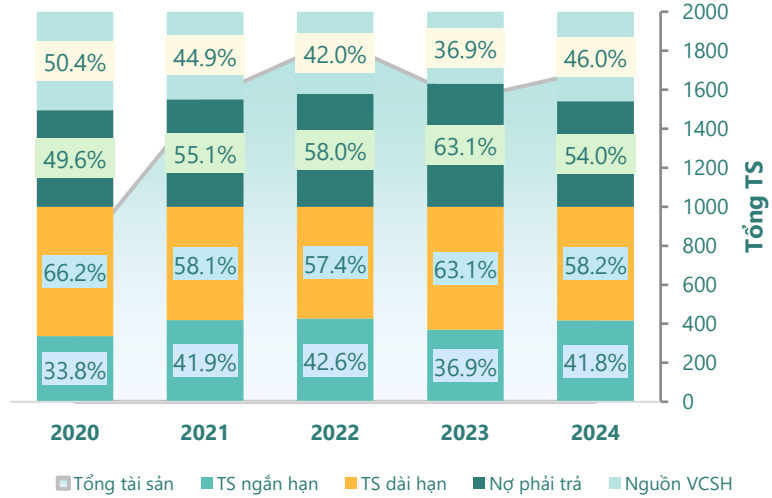
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

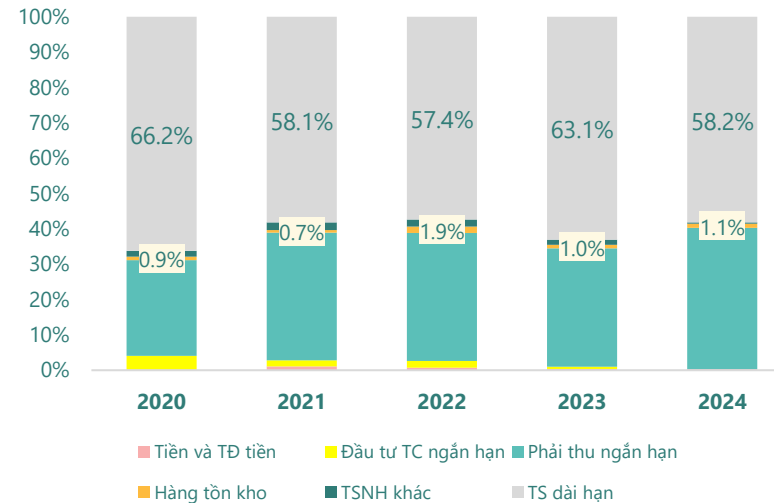
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

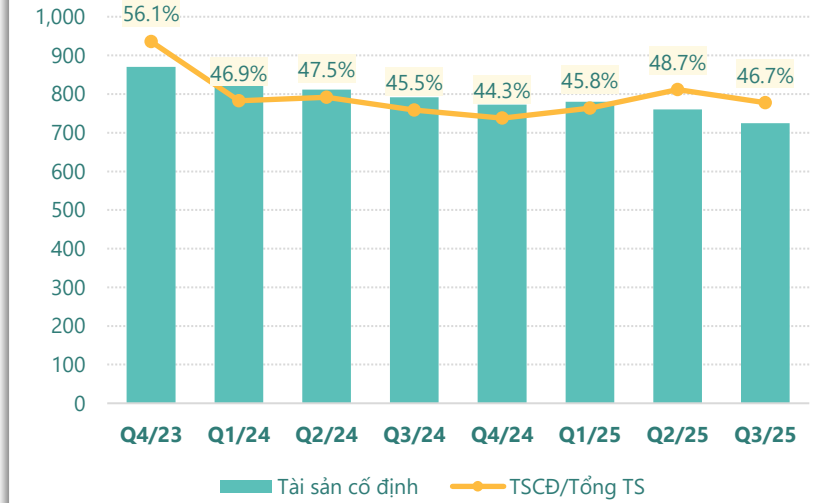
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

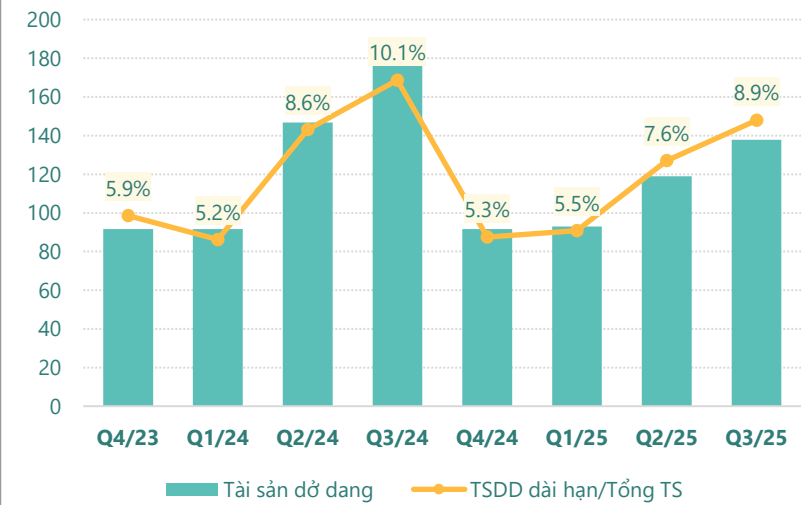
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

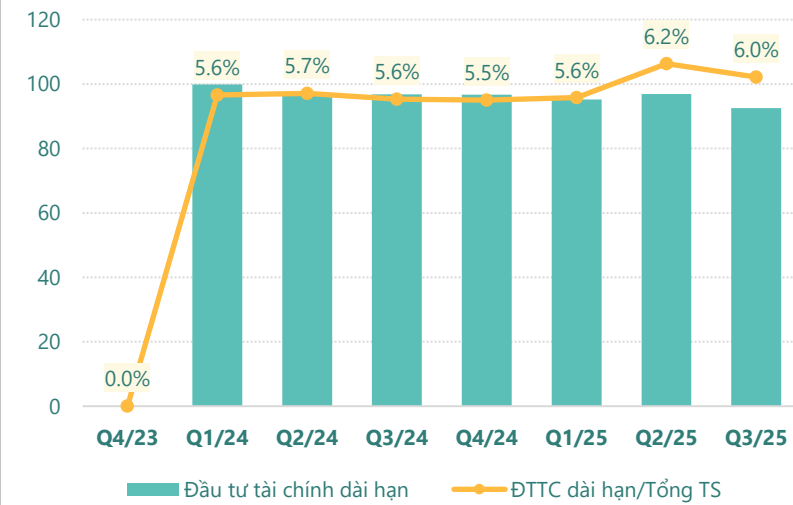
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

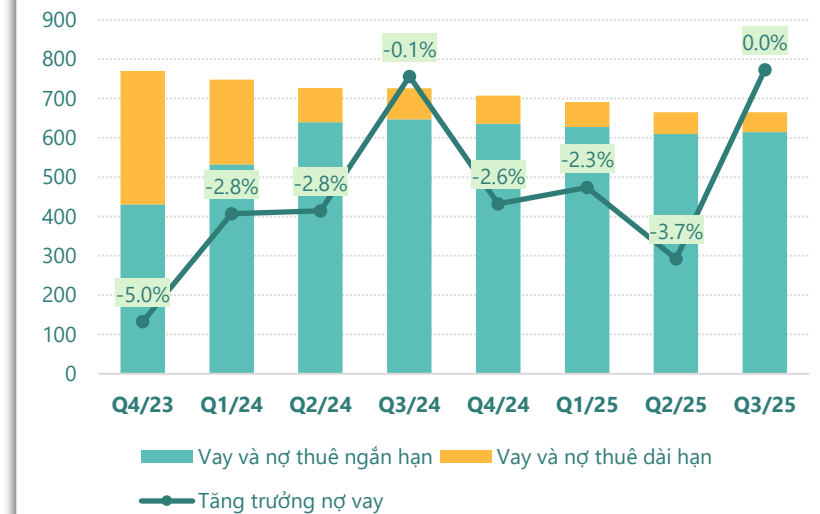
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

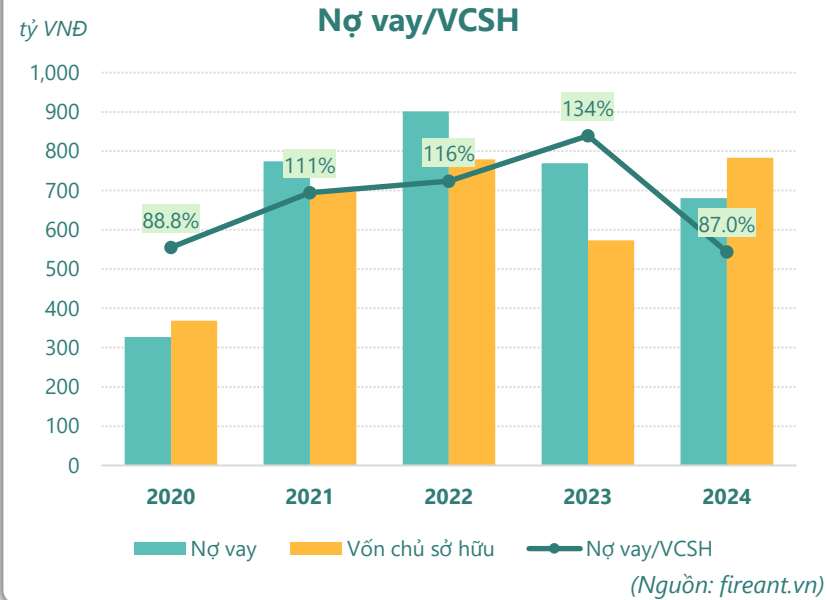
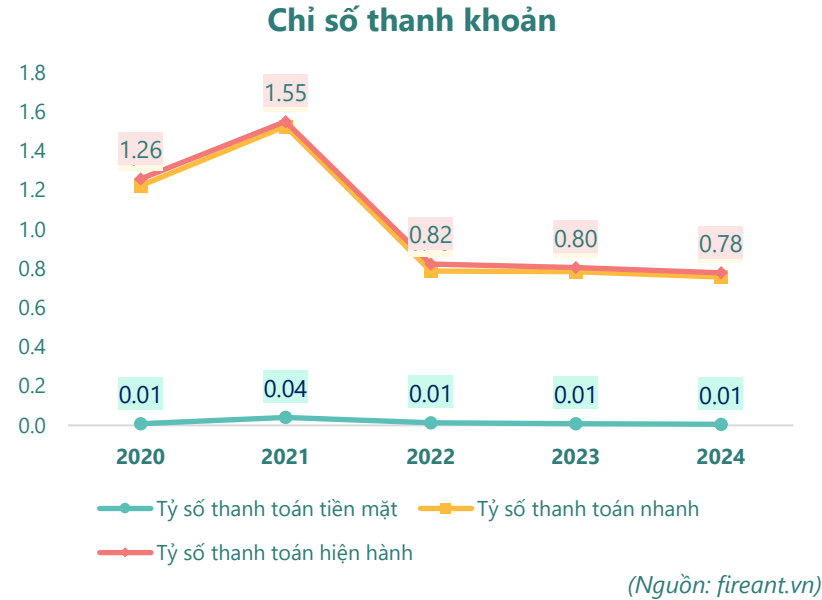
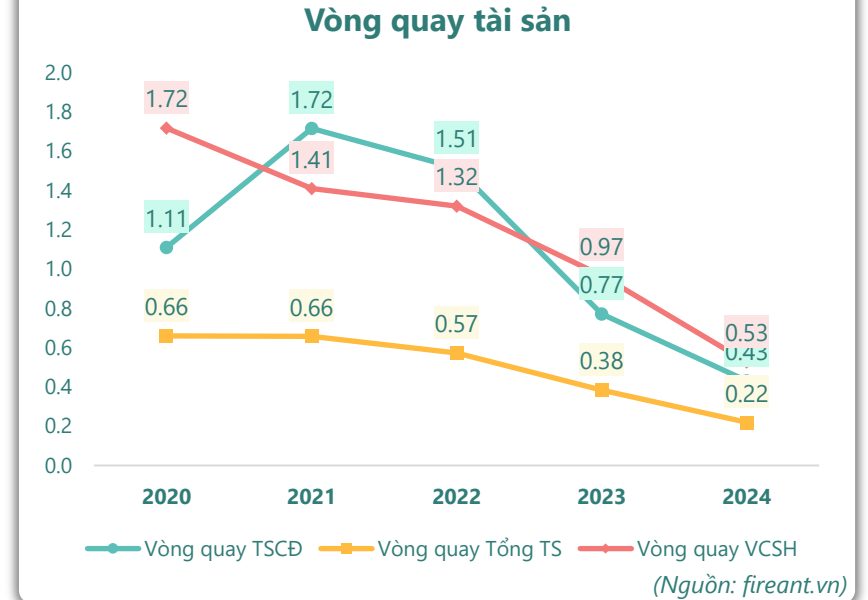
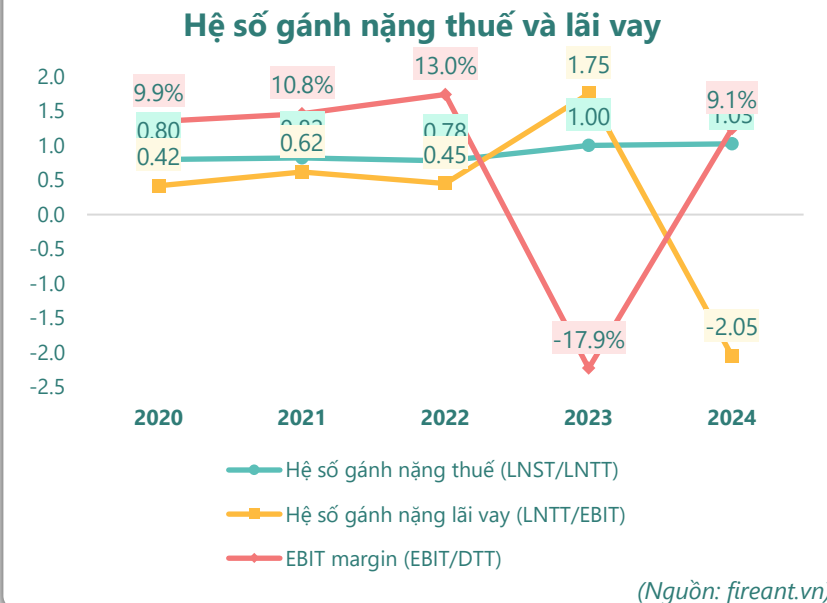
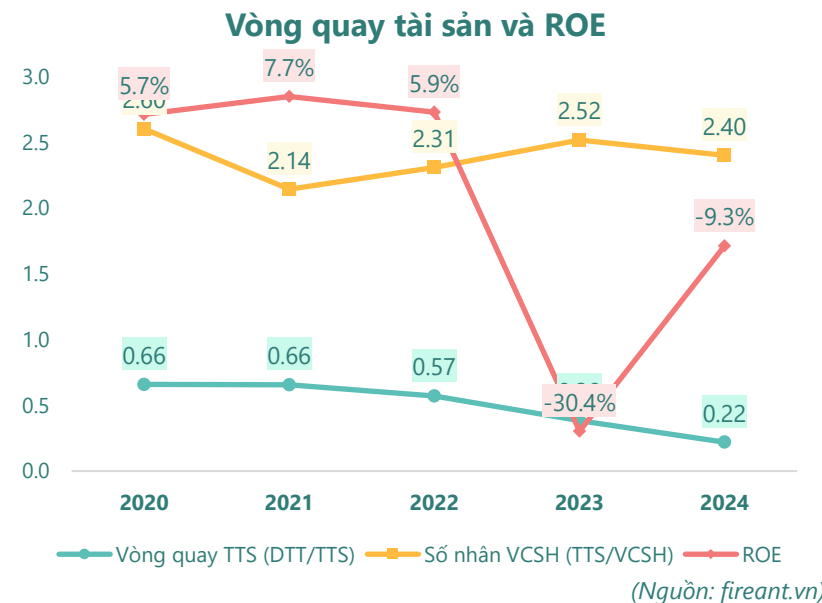
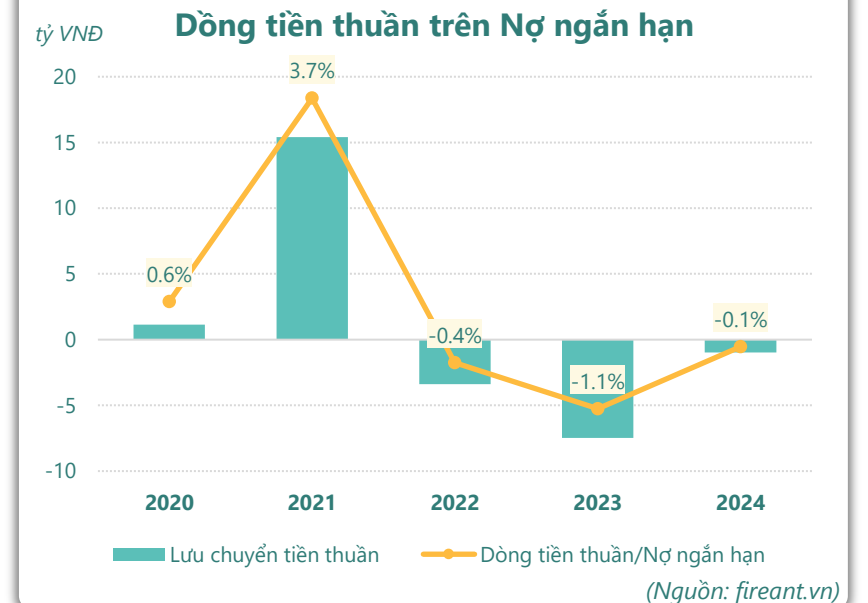
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	7.72	36.5	-78.8%	69.7	157	-55.6%
Giá vốn hàng bán	23.9	32.0	-25.2%	102	134	-23.9%
Lợi nhuận gộp	-16.2	4.48	-462%	-32.5	22.7	-243%
Doanh thu HĐTC	0.22	29.6	-99.3%	0.75	53.3	-98.6%
Chi phí TC	20.8	25.2	-17.4%	66.4	76.0	-12.6%
Chi phí lãi vay	22.3	25.1	-11.3%	67.6	74.9	-9.8%
LN trong công ty LKLD	-0.01	0.01	-203%	-0.02	-0.10	81.1%
Chi phí bán hàng	0.41	0.00		0.42	0	
Chi phí QLDN	4.27	3.42	24.8%	81.9	10.4	686%
LN thuần từ HĐKD	-41.5	5.45	-861%	-180	-10.5	-1620%
Lợi nhuận khác	-10.8	0.53	-2136%	-11.4	18.0	-163%
LN trước thuế	-52.3	5.99	-973%	-192	7.53	-2649%
Lợi nhuận sau thuế	-51.4	6.07	-947%	-190	6.91	-2853%
LNST của CĐ cty mẹ	-46.1	5.90	-881%	-180	6.79	-2753%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	55.9	57.6	-67.3	26.8	51.1	17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-68.5	-27.0	84.3	-1.51	-26.1	-18.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.1	-33.6	-19.1	-15.3	-10.9	-16.5
Tiền đầu kỳ	10.7	10.1	7.15	5.13	15.2	29.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.52	-2.99	-2.02	10.1	14.2	-17.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	10.1	7.15	5.13	15.2	29.4	11.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,552	1,703	-8.9%
Tài sản ngắn hạn	571	712	-19.8%
Tiền và tương đương tiền	11.8	5.13	129%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	540	681	-20.7%
Hàng tồn kho	10.8	19.6	-44.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.95	6.37	40.4%
Tài sản dài hạn	981	991	-1.1%
Phải thu dài hạn	14.0	0.05	30088%
Tài sản cố định	724	790	-8.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	138	91.7	50.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	92.5	96.8	-4.4%
Tài sản dài hạn khác	9.12	9.68	-5.8%
Lợi thế thương mại	3.01	3.65	-17.5%
Nợ phải trả	989	921	7.4%
Nợ ngắn hạn	938	915	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	615	677	-9.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	85.8	34.4	150%
Nợ dài hạn	50.6	5.96	749%
Vay và nợ thuê dài hạn	50.3	3.59	1299%
Nguồn vốn chủ sở hữu	563	783	-28.1%
Vốn chủ sở hữu	563	783	-28.1%
Vốn điều lệ	798	798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

